

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 01 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2025/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096080005928.

Địa chỉ: Ấp E, xã S, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị T1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã S, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà T1 chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã S, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã ly thân từ tháng 4 năm 2025. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T1.

- Về con chung và nợ chung: Không có; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông T yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà T1 chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã S, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo ông T xác định quá trình chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn tình cảm và ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2025, từ đó ông T yêu cầu được ly hôn bà T1.

Đối với bà T1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T cho thấy bà T1 không có nguyện vọng đề hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho ông T được ly hôn với bà T1 là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung và nợ chung: Ông T xác định không có; Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T1 không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Thái Văn T được ly hôn với bà Phan Thị T1.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004242 ngày 10/11/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau, ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Hưởng

Nguyễn Việt Thắng

Hồ Dũng Liêm